

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Về việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội
về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025,
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021 – 2030

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh

1.1. Đặc điểm tự nhiên

Quảng Ngãi nằm ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và là một trong 05 tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung¹, phía Đông Trường Sơn, có diện tích tự nhiên 5.155,248 km², gồm 13 đơn vị hành chính². Địa hình tương đối phức tạp, vùng núi chiếm khoảng 3/4 diện tích tự nhiên; có 03 dạng địa hình chính, thấp dần từ Tây sang Đông³; có 4 sông lớn là Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Câu⁴. Lượng mưa phân bố không đồng đều trong năm nên thường gây ra lũ, lụt trong mùa mưa, hạn hán trong mùa nắng, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có một số đầm nước mặn tự nhiên và rừng ngập mặn. Khu vực miền núi có rất nhiều suối lớn, nhỏ, là nguồn nước dồi dào cho các hoạt động kinh tế và sinh hoạt của nhân dân trong tỉnh.

1.2. Đặc điểm, tình hình kinh tế xã hội

a) **Đánh giá chung:** Với mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của Vùng miền Trung; tạo tiền đề để đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước. Trong thời gian qua, công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành quán triệt thực hiện, với nỗ lực cao nhất, qua đó đạt nhiều kết quả tích cực. Trong 02 năm qua, mặc dù cùng với cả nước, tỉnh

¹ Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp tỉnh Bình Định; phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp biển Đông.

² Gồm: 01 thành phố (Tp. Quảng Ngãi), 01 thị xã (Đức Phổ) và 11 huyện với 01 huyện đảo (Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Minh Long, Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, đảo Lý Sơn).

³ Vùng núi cao phía Tây; vùng trung du và đồng bằng; vùng ven biển, biển và hải đảo phía Đông. Riêng đảo Lý Sơn có địa hình, địa chất, địa mạo khá đặc biệt, được hình thành do hoạt động của núi lửa. Điều kiện địa chất khá phức tạp. Khí hậu mang tính nhiệt đới điển hình, nóng ẩm và chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng Duyên hải Nam Trung bộ.

⁴ Dòng sông ngắn, độ dốc cao, lòng sông cạn và hẹp nên vào mùa mưa dòng chảy cường độ mạnh, thường gây ra lũ, lụt lớn; còn vào mùa nắng khả năng tích trữ nước của các con sông kém tình trạng khô cạn.

Quảng Ngãi cũng chịu tác động, ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19; tuy nhiên, nhờ Quảng Ngãi là một trong những tỉnh có cơ cấu các ngành kinh tế tương đối cân bằng so với cơ cấu của các tỉnh trong Vùng Duyên hải miền Trung nên tác động của đại dịch COVID-19 đối với nền kinh tế của tỉnh có phần bớt nặng nề hơn so với các địa phương phụ thuộc chủ yếu vào du lịch như Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế và Khánh Hoà. Quảng Ngãi hiện đang đứng ở vị trí khá so với các tỉnh thuộc Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, với tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành năm 2022 đạt 121.668 tỷ đồng xếp thứ 4 so với 14 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ và thứ 2 so với 05 tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

b) Một số đặc điểm cơ bản về kinh tế - xã hội của tỉnh hiện nay

* Về kinh tế:

- Tỉnh tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị; đồng thời, hạ tầng khu công nghiệp, thương mại, nông nghiệp, thuỷ lợi, cung cấp điện, thông tin truyền thông được quan tâm đầu tư; hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng dịch vụ du lịch được cải thiện đã tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Công nghiệp tiếp tục giữ vai trò động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, giải quyết nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Hoạt động thương mại sôi động, thị trường diễn biến lành mạnh, hàng hóa đa dạng, phong phú, phong cách phục vụ ngày càng văn minh, hiện đại, tiện lợi đã đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của người dân. Tuy vậy, công nghiệp chế biến, chế tạo phần lớn hoạt động ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị. Sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp mới không nhiều. Công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp hóa dầu còn hạn chế; ở tỉnh chưa hình thành phát triển được các cụm ngành công nghiệp theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực như lọc dầu; luyện kim, cơ khí chế tạo; dệt may; chế biến nông lâm thủy sản để nâng cao năng lực cạnh tranh. Nhiều sản phẩm xuất khẩu chưa qua tinh chế hoặc chỉ là gia công như dăm gỗ, tinh bột mỳ, thủy sản ướp đông, dưa hấu, dệt may, da giày nên giá trị tăng thêm và kim ngạch thấp. Các sản phẩm như dăm gỗ, tinh bột mỳ, dưa hấu còn phụ thuộc vào một thị trường Trung Quốc nên cũng gặp nhiều khó khăn do bị đối tác ép giá.

- Sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa bước đầu được hình thành nhưng quy mô còn nhỏ; phần lớn nông sản bán ra trên thị trường chủ yếu ở dạng thô, chưa qua chế biến nên giá trị gia tăng thấp; tình trạng được mùa, mất giá ở một số sản phẩm thường xuyên xảy ra (dưa hấu, ớt...). Sản xuất nông nghiệp dễ bị tổn thương do các yếu tố về thời tiết, dịch bệnh và giá cả thị trường nông sản. Tình trạng sản xuất manh mún, phân tán ở nông hộ là một trong những lực cản lớn trong tiến trình tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Chất lượng cải thiện môi trường đầu tư một số mặt còn hạn chế; giai đoạn 2016-2020 có sự cải thiện về điểm số PCI, tuy nhiên thứ hạng PCI Quảng Ngãi còn thấp so với mặt bằng chung cả nước và khu vực Duyên hải miền Trung. Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, thậm chí siêu nhỏ, khả năng cạnh tranh yếu. Kết quả thu hút đầu tư đạt kết quả tốt nhưng tiến độ thực hiện dự án vào hoạt động còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế.

- Công tác xúc tiến, quảng bá, liên kết phát triển du lịch đạt được những kết quả đáng khích lệ góp phần nâng cao hình ảnh du lịch Quảng Ngãi, thu hút được nhiều nhà đầu tư có tiềm lực và khách du lịch đến với Quảng Ngãi. Tuy vậy, phát triển du lịch Quảng Ngãi chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và thế mạnh vốn có. Còn nhiều giá trị tài nguyên du lịch chưa được khai thác hoặc khai thác chưa hiệu quả. Chưa thu hút thành công các dự án lớn mang tính động lực để thúc đẩy du lịch phát triển và chưa tạo được sức cạnh tranh của du lịch Quảng Ngãi trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên và trên bản đồ du lịch cả nước.

* Về xã hội:

- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng được tăng cường tổ chức, với hình thức phong phú, thiết thực và phù hợp với điều kiện của địa phương. Công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống được đẩy mạnh; phục hồi và bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Công tác thể dục thể thao có những khởi sắc, vị trí thứ hạng thành tích thể dục thể thao từng bước được cải thiện; thể thao thành tích cao đạt được nhiều thành tích trong đấu trường quốc gia, khu vực quốc tế. Tuy nhiên, cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh còn thiếu, chưa đồng bộ, hoặc đã xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân; việc xây dựng môi trường văn hóa vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tội phạm, các sản phẩm và dịch vụ văn hóa độc hại. Các môn thể thao có thể mạnh chưa được đầu tư phát triển đúng mức.

- Số lượng, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt kết quả tốt. Phổ cập mầm non trẻ 05 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS tiếp tục được củng cố, duy trì, đạt tỷ lệ 100%. Chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh được đẩy mạnh, tạo tiền đề quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho địa phương, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT qua các năm thuộc tốp cao của cả nước. Mạng lưới trường ở một số địa phương, nhất là khu vực miền núi khó khăn còn phân tán, nhiều cơ sở giáo dục có diện tích hẹp, phòng học chưa đảm bảo đúng quy cách và diện tích theo quy định. Dù đã được đầu tư tăng cường cơ sở vật chất song một số trường đã xuống cấp, thiếu các điều kiện đảm bảo các hoạt động giáo dục

- Công tác giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài có nhiều chuyển biến tốt, hướng đến thị trường thu nhập cao, thu hút nhiều lao động và doanh nghiệp tham gia tuyển dụng; công tác đào tạo nghề gắn với

nhu cầu tuyển dụng lao động tại doanh nghiệp và giải quyết việc làm sau đào tạo. Mặc dù vậy, quy mô, số lượng đào tạo nghề chưa tương xứng với dân số trong độ tuổi lao động; đào tạo chất lượng cao còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của các ngành kinh tế mũi nhọn và yêu cầu nâng cao chất lượng cạnh tranh của nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh cao.

- Công tác giảm nghèo được quan tâm tập trung, đổi mới, các chính sách được ban hành triển khai thực hiện và bước đầu phát huy hiệu quả; các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo cho đối tượng người có công cách mạng, gia đình liệt sỹ được quan tâm triển khai thực hiện với nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa; diện đối tượng trợ giúp xã hội được mở rộng, đảm bảo tất cả các đối tượng yếu thế, diện khó khăn được trợ cấp, trợ giúp. Song, việc huy động sự tham gia và đóng góp tích cực của nhân dân vào công tác giảm nghèo còn hạn chế; cơ chế dân chủ, công khai, kiểm tra, giám sát tuy đã được thực hiện nhưng có nơi, có lúc mang nặng tính hình thức.

- Độ ngũ y, bác sĩ cho các cơ sở y tế tuyến tỉnh đến cơ sở được tăng cường về số lượng và chất lượng, nhất là tăng cường bác sĩ cho trạm y tế xã; Tinh thần trách nhiệm, y đức của người thầy thuốc phục vụ nhân dân thường xuyên được quán triệt và nâng cao. Nhu cầu chăm sóc sức khoẻ ngày càng cao cả về số lượng và chất lượng của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và vùng khó khăn, vùng căn cứ cách mạng, trong khi đó khả năng đáp ứng của ngành Y tế còn nhiều hạn chế.

- Hoạt động khoa học và công nghệ đã giải quyết các yêu cầu về tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, sử dụng hợp lý tài nguyên, tiết kiệm nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm; nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp trên thị trường, từng bước đưa doanh nghiệp của tỉnh tiếp cận, vận dụng thành công những thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất kinh doanh; phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và giảm nghèo bền vững, đặc biệt là đối với các huyện miền núi; hình thành và phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ cùng với xây dựng kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bước đầu đặt nền tảng cho bước phát triển mới cao hơn trong cộng đồng các doanh nghiệp của tỉnh.

2. Khái quát về mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực thực hiện 3 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh

2.1. Về mục tiêu, nhiệm vụ, địa bàn thực hiện

a) Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

- **Mục tiêu nhiệm vụ:** Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người DTTS tăng trên 2 lần so với năm 2020 (khoảng 28,8 triệu đồng/người/năm).

Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào DTTS&MN mỗi năm giảm 4-4,5%; phần đầu 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn ĐBKK; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN.

- *Địa bàn thực hiện:* Trên địa bàn 61 xã (gồm: 06 xã khu vực I, 03 xã khu vực II, 52 xã khu vực III) và 241 thôn (gồm: 235 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực III, 03 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II, 01 thôn ĐBKK thuộc xã khu vực I và 02 thôn ĐBKK thuộc xã có thôn thuộc vùng DTTS&MN) thuộc 05 huyện miền núi và các huyện đồng bằng: Bình Sơn, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

- *Mục tiêu nhiệm vụ:* Giai đoạn 2021-2025, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1,0 - 1,5%/năm; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3,0%/năm; tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4 - 4,5%/năm.; 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi tại các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo xuống dưới 34%.

- *Địa bàn thực hiện:* Trên địa bàn toàn tỉnh (trọng tâm là 02 huyện nghèo là huyện Trà Bồng và Sơn Tây và 01 huyện đảo Lý Sơn).

c) Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- *Mục tiêu nhiệm vụ đến năm 2025:*

+ Cấp huyện: Có 07/13 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (tương đương khoảng 53,8%, Trung ương giao 35%), trong đó có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

+ Cấp xã: Có 120/148 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương đương khoảng 81%; Trung ương giao 80%), trong đó có 53/120 số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tương đương 44,2%; Trung ương giao 40%), có 08/53 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu (tương đương 15,1%; Trung ương giao 10%).

+ Ở thôn: Có 138/229 thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực miền núi được công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí do UBND tỉnh quy định (tương đương 62%; Trung ương giao 60%).

- *Địa bàn thực hiện:* Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2.2 Về nguồn lực thực hiện

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho 03 Chương trình MTQG là 3.489,558 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 2.033,902 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 1.455,656 tỷ đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 là: 1.255,991 tỷ đồng, gồm ngân sách Trung ương là 1.092,166 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 163,825 tỷ đồng;
- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 589,037 tỷ đồng, gồm ngân sách Trung ương là 512,206 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 76,831 tỷ đồng;
- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 1.644,53 tỷ đồng, gồm ngân sách Trung ương là 429,530 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 1.215 tỷ đồng.

Phần 1

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Về tổ chức bộ máy thực hiện

- UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025 do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban; 02 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh là Phó Trưởng ban; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh là Ủy viên thường trực theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Ủy viên thường trực theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là Ủy viên thường trực theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Trưởng ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

- UBND tỉnh thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 và Văn phòng điều phối thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 -2025⁵.

⁵ (1) Quyết định số:661/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2025, (2) Quyết định số:1411/QĐ-UBND

- Căn cứ các văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh; cấp huyện, cấp xã đã thành lập Ban Chỉ đạo các cấp và trong quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp đã phân công nhiệm vụ cụ thể trong thực hiện các Chương trình cho từng thành viên; đồng thời, phân công cho từng thành viên phụ trách theo dõi, hướng dẫn đến từng cấp xã (*đối với Ban Chỉ đạo cấp huyện*), thôn, tổ dân phố (*đối với Ban Chỉ đạo cấp xã*) để thực hiện các Chương trình.

** Thuận lợi:*

Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp chính quyền địa phương. Các sở, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh. Từng bước nâng cao nhận thức và hành động đối với đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể nhân dân về nội dung, tầm quan trọng của nhiệm vụ, mục tiêu thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; đặc biệt mục tiêu giảm nghèo ở các huyện miền núi của tỉnh.

** Khó khăn và nguyên nhân:*

- Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 của tỉnh tuy đã được chỉ đạo, đôn đốc xây dựng kế hoạch kịp thời nhưng vẫn chậm so với yêu cầu kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do Các cơ quan Trung ương chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; một số văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản của các Bộ ngành.

- Đối với nguồn vốn thực hiện Chương trình, đến cuối tháng 5 năm 2022, Chính phủ mới giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của Chương trình và kế hoạch vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp năm 2022 cho địa phương nên việc tham mưu cấp có thẩm quyền giao Kế hoạch vốn cho các cơ quan đơn vị thực hiện chậm. Riêng đối với nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình mới được Trung ương giao năm 2022, 2023; chưa giao cả giai đoạn 2021-2025 nên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình cả giai đoạn, nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án thực hiện có thời gian thực hiện trong nhiều năm.

2. Về văn bản hướng dẫn thực hiện

2.1. Triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 - 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia GNBV giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; UBND tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan thường trực, cơ quan liên quan khẩn trương triển khai thực hiện tại Công văn số 2842/UBND-KGVX ngày 13/6/2022.

2.2. Ban hành văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và các hướng dẫn của Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua **06** Nghị quyết⁶, UBND tỉnh đã ban hành **03** Quyết định⁷ thực hiện cơ chế, chính sách về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 – 2025. Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành **03** Kế hoạch⁸ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, UBND tỉnh đang tiếp tục hoàn thiện, ban hành một số nội khác theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Nhìn chung, tiến độ ban hành các văn bản quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các Quyết định của Trung ương đã được tính thực hiện nghiêm túc. Tuy

⁶ (1) Nghị quyết số:08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Quy định mức vốn đối ứng từ NS địa phương, nguyên tắc phân bổ vốn và mức hỗ trợ từ NSNN để thực hiện các nội dung Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (2) Nghị quyết số:10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng của ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2025; (3) Nghị quyết số:09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; (4) Nghị quyết số:33/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 về Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù trong các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (5) Nghị quyết số:27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 về Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (6) Nghị quyết số:26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 về Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025.

⁷ (1) Quyết định số:1387/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (2) Quyết định số:1407/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các công trình: Trường học mầm non, mẫu giáo, NVH thôn, bản, chợ nông thôn, các công trình đường giao thông và công trình kiên cố hóa kênh mương loại III trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (3) Quyết định số:10/QĐ-UBND ngày 4/01/2023 về việc ban hành Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các CTMTQG trên địa bàn tỉnh.

⁸ (1) Quyết định số: 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 – 2025; (2) Quyết định số: 833/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 về Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; (3) Quyết định số: 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 về Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

nhiên, quá trình xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền còn gặp một số khó khăn do chưa có hướng dẫn của Trung ương như: (1) Bộ Xây dựng chưa hướng dẫn xây dựng Ban hành quy định việc quản lý, vận hành công trình; quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì công trình theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP); (2) Bộ Thông tin và Truyền thông chưa hướng dẫn thực hiện “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 10 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

3. Về lập kế hoạch, phân bổ ngân sách và thực hiện dự toán

3.1. Việc lập kế hoạch, thẩm định, phê duyệt, giao dự toán thực hiện các Chương trình MTQG hàng năm và trung hạn 5 năm giai đoạn và 2021-2025:

Thực hiện Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình MTQG, Quyết định 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023. Đến nay, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định giao vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025⁹ và năm 2022¹⁰, năm 2023 để thực hiện các Chương trình MTQG.

* *Thuận lợi:* Được sự chỉ đạo sát sao của các bộ, ngành Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Ngay khi được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp Trung ương đã tổ chức nhiều

⁹ (1) Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 03/08/2022 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác; (2) Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 03/08/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; (3) Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 03/08/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh

¹⁰ (1) Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/08/2022 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác; (2) Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 03/08/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; (3) Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 03/08/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục MTQG Giảm nghèo bền vững Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

cuộc họp trực tuyến để đôn đốc các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã kịp thời tổ chức Hội nghị hướng dẫn Nghị định số 27/2022/NĐ-CP Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo thường xuyên, liên tục.

Các quy định để phân bổ vốn đầu tư phát triển đã được Trung ương ban hành đầy đủ, cụ thể cho từng dự án đối với từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

* *Khó khăn:* Theo quy định của Luật Đầu tư công thì phải lập kế hoạch cho cả giai đoạn 2022-2025, tuy nhiên, việc lập kế hoạch phải tổng hợp từ cấp xã, cấp huyện; trong khi số lượng các xã tương đối lớn (181 xã), năm 2021 không được phân bổ kế hoạch vốn nên công tác chuẩn bị, xây dựng kế hoạch giai đoạn 2022-2025 ở cấp huyện, cấp xã còn gặp nhiều lúng túng, đã ảnh hưởng đến tiến độ, quá trình lập kế hoạch.

Ngoài quy định của Trung ương, tỉnh phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn làm cơ sở xây dựng kế hoạch vốn giai đoạn 2022-2025. Do đó, việc lập kế hoạch giai đoạn năm 2022-2025 và năm 2022 gặp nhiều khó khăn về tiến độ.

* *Nguyên nhân:*

Năm 2022, là năm đầu được phân bổ kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, do đó, cần phải triển khai khá nhiều công việc, nội dung. Bên cạnh đó, theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 tỉnh phải ban hành khá nhiều văn bản quy phạm pháp luật, nhiều quy định, hướng dẫn làm cơ sở để thực hiện chương trình.

Thời điểm giao vốn của Trung ương muộn (28/5/2022), nên tỉnh bị động trong việc hướng dẫn các địa phương lập kế hoạch, triển khai thực hiện chương trình.

3.2. Việc phân bổ, giao dự toán, thực hiện kế hoạch hàng năm và 5 năm

Việc phân bổ, giao dự toán thực hiện kế hoạch giai đoạn 2021-2025: Được triển khai kịp thời, đúng các quy định của Chương trình và các quy định liên quan khác. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã kịp thời phân bổ cho các địa phương, đơn vị để triển khai thực hiện.

Việc phân bổ, giao dự toán thực hiện kế hoạch năm 2022: Căn cứ số vốn Trung ương thông báo năm 2022, UBND tỉnh đã kịp thời trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và thực hiện phân bổ chi tiết nguồn vốn năm 2022 cho các địa phương đơn vị và thực hiện giao mục tiêu, nhiệm vụ theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia. Kế hoạch vốn năm 2022 được phân bổ kịp

thời, nằm trong kế hoạch giai đoạn 2022-2025 đã được thông qua.

* *Khó khăn và nguyên nhân:* Thời gian Trung ương giao kế hoạch vốn cho các tỉnh hoàn thành việc giao vốn là rất gấp, quy định chưa đầy đủ, hướng dẫn chưa rõ. Do đó, có sự lúng túng trong quá trình tham mưu giao kế hoạch vốn năm 2022 và trung hạn 2021-2025. Riêng năm 2023 đã thực hiện giao kế hoạch vốn theo đúng quy định.

3.3. Việc huy động, quản lý các khoản vay, vốn ODA, các nguồn vốn xã hội khác để thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh

Việc huy động thêm các nguồn lực ngoài nguồn vốn ngân sách để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều hình thức, nhiều giải pháp, nhất là trong huy động nguồn vốn xã hội hóa.

3.4 Công tác lồng ghép chính sách, tích hợp các nguồn vốn của các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh

Công tác lồng ghép các chính sách, tích hợp các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn khác đã được thực hiện, nhất là trong việc lồng ghép các chính sách. Cụ thể: Đã thực hiện lồng ghép các chính sách hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng trong xây dựng nông thôn mới; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội,... nhằm thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Nhờ đó, đã tích hợp được các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, ngân sách xã và các nguồn vốn khác để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện

4.1 Về công tác thông tin, tuyên truyền việc triển khai thực

Thời gian qua, các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về các nội dung, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai sâu rộng, đa dạng với nhiều hình thức như: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các cách làm hay, sáng tạo; tổ chức học tập kinh nghiệm đối với các mô hình kinh tế giỏi; kịp thời biểu dương các điển hình tiên tiến, các sáng kiến, kinh nghiệm tốt,... Từ đó, nâng cao chất lượng các phong trào như: Thi đua xây dựng NTM, phong trào Quảng Ngãi chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau, góp phần thực hiện đạt các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã xác định.

Công tác truyền thông với sự vào cuộc của hệ thống chính trị, các tổ chức, địa phương, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các

cơ quan thông tin đại chúng, nhất là hệ thống báo, đài... với nhiều hình thức phong phú, đã có tác động lớn, lan tỏa mô hình tốt, cách làm hay trên địa bàn toàn tỉnh.

4.2. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán

Tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc tổ chức thực hiện tại cơ sở; kịp thời giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát chuyên đề về cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng khu dân cư mẫu, cơ chế hỗ trợ xi măng; Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể cũng thực hiện giám sát chuyên đề tại một số huyện.

Định kỳ hàng năm và đột xuất, Ban chỉ đạo, UBND tỉnh chỉ đạo các sở ngành tổ chức kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các tiêu chí theo sở, ngành phụ trách. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức đánh giá, giám sát chung kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới tại các xã. Ban chỉ đạo, UBND tỉnh giao Sở Tài chính theo dõi, đôn đốc việc tổ chức kiểm tra, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, giải ngân nguồn vốn.

Phần 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Kết quả thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh

1.1. Kết quả thực hiện

Tiếp nối các kết quả đạt được trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, nền kinh tế đang phục hồi nhưng chịu áp lực lạm phát, tỷ giá lãi suất tăng cao; kinh tế tỉnh Quảng Ngãi còn gặp nhiều khó khăn; nhưng với sự chỉ đạo các ngành, các địa phương, nhất là cấp cơ sở tổ chức, vận động, hướng dẫn người dân hăng hái, linh hoạt trong phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Nhờ vậy, đã được nhiều kết quả quan trọng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2022, cụ thể:

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tỷ lệ hộ nghèo đầu năm 2022 có 9,11% đến cuối năm giảm xuống còn 7,8%, giảm 1,31% đạt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu giảm 1-1,5%/năm). Trong đó, các huyện nghèo¹¹ đầu năm 2022 có 43,93% đến cuối năm 2022 giảm xuống còn 38,61%, giảm 5,32% vượt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu giảm 4-4,5%/năm). Tỷ lệ hộ

¹¹ Các huyện: Trà Bồng, Sơn Tây theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

nghèo xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo¹² đầu năm 2022 có 10,12% đến cuối năm giảm xuống còn 8,7%, giảm 1,4%. Đến nay, chỉ còn huyện đảo Lý Sơn được thụ hưởng các chính sách của xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Ước đến ngày 31/12/2022, có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch năm¹³, lũy kế có 98 xã; 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao¹⁴; 03 huyện, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới¹⁵; số tiêu chí bình quân/xã đạt 17 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 05 tiêu chí. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn theo chuẩn mới Quốc gia còn 7,8%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi là 30,27%.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm 4,73% xuống còn 30,91% (đạt chỉ tiêu đề ra là 4%).

1.2. Về nguồn vốn và huy động nguồn vốn thực hiện các Chương trình.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tính giao cho 03 Chương trình MTQG là 3.489,558 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 2.033,902 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 1.455,656 tỷ đồng, trong đó:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 là: 1.255,991 tỷ đồng, gồm ngân sách Trung ương là 1.092,166 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 163,825 tỷ đồng;

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 589,037 tỷ đồng, gồm ngân sách Trung ương là 512,206 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 76,831 tỷ đồng;

+ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 1.644,53 tỷ đồng, gồm ngân sách Trung ương là 429,530 tỷ đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 1.215 tỷ đồng.

1.3. Việc lồng ghép về chỉ đạo, điều hành, địa bàn, nguồn vốn thực hiện các Chương trình trên địa bàn tỉnh

Việc chỉ đạo, điều hành chung trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh lồng ghép để chỉ đạo tổ chức thực hiện và đã mang lại kết quả. Cụ thể, thông

¹² Huyện Lý Sơn thuộc diện xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

¹³ Xã Bình Châu, Xã Bình Thuận, Xã Bình An, Xã Long Hiệp, Xã Sơn Linh.

¹⁴ Xã Bình Dương, Xã Bình Trị, Xã Tịnh Bắc, Xã Tịnh Giang, Xã Đức Lân, Xã Đức Lợi, Xã Phổ An, Xã Tịnh Kỳ, Xã Tịnh Châu.

¹⁵ Năm 2022, thành phố Quảng Ngãi hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

qua việc thành lập 01 Ban chỉ đạo chung cho cả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng sở, ngành đơn vị đối với từng Chương trình mục tiêu quốc gia, từng tiêu chí theo ngành, lĩnh vực. Do đó, quá trình triển khai thực hiện có sự xuyên suốt từ cấp tỉnh đến huyện, xã. Tuy vậy, đối với tỉnh Quảng Ngãi việc lồng ghép đối với địa bàn và nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia gặp một số khó khăn nhất định, khó thực hiện, cụ thể:

Về địa bàn: Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó số lượng xã, thôn ĐBKK còn nhiều, địa bàn các huyện miền núi có hạ tầng còn thấp chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số nên việc triển khai thực hiện lồng ghép địa bàn đối với 03 Chương trình còn nhiều hạn chế.

Về nguồn vốn: Việc lồng ghép đối với nguồn vốn đầu tư phát triển giữa Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với Chương trình nông thôn mới và Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đang được các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện khi lập kế hoạch trung hạn và hằng năm. Hiện nay, tỉnh cũng đang xây dựng Nghị quyết về cơ chế lồng ghép nguồn vốn (bao gồm lồng ghép nguồn vốn ngân sách nhà nước, lồng ghép các nguồn vốn khác) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Kết quả thực hiện các Chương trình MTQG

2.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Kết quả triển khai các nội dung thành phần của Chương trình

2.1.1 Đối với kết quả triển khai các nội dung thành phần

a) *Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa.*

Đang triển khai thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của 148 xã trên địa bàn tỉnh.

b) *Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.*

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, tiếp tục đầu tư bê tông xi măng các tuyến đường liên xã, đường thôn để các xã giữ vững, nâng cao các tiêu chí, với tổng kinh phí bố trí năm 2022: 150.167 triệu đồng (ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh).

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu: Đầu tư kiên cố hóa các tuyến kênh mương thủy lợi với tổng kinh phí bố trí năm 2022:

46.431 triệu đồng (ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh).

- Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan: Đầu tư hệ thống điện phục vụ vùng chuyên canh cây ăn quả ...tại một số xã trong tỉnh với tổng kinh phí năm 2022 là 2.472 triệu đồng (ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh).

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn: Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các nhà Văn hóa thôn với tổng kinh phí năm 2022 là 49.078 triệu đồng (ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh).

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị: Đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây ăn quả, xây dựng mặt bằng khu chăn nuôi tập trung

c) *Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn.*

- Về sản phẩm OCOP: Toàn tỉnh có 90 sản phẩm đạt OCOP 3-4 sao (Trong đó có 05 sản phẩm đạt 4 sao và 85 sản phẩm đạt 3 sao). Có 49 chủ thể có sản phẩm đạt OCOP cấp tỉnh, trong đó: Có 11 doanh nghiệp với 32 sản phẩm đạt OCOP; 19 hợp tác xã với 33 sản phẩm đạt OCOP; 18 cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh với 25 sản phẩm đạt OCOP. Có 10 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất: UBND tỉnh có Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 phê duyệt Đề án củng cố, nâng cao và phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; hỗ trợ 5 hợp tác xã nông nghiệp xây dựng nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, kiên cố hóa kênh mương,...Đến nay, toàn tỉnh có 237 hợp tác xã nông nghiệp. Trong đó, có 11 HTX ngừng hoạt động, chè giải thể, tăng 06 HTX so với năm 2021. Hầu hết các HTXNN trên địa bàn tỉnh đã tổ chức chuyển đổi, đăng ký theo Luật HTX 2012, còn 03 HTX chưa chuyển đổi.

d) *Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.*

- Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Đã ban hành các Quyết định về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo năm 2022 từ nguồn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của tỉnh cho các huyện thuộc chương trình. Hiện nay các địa phương đang thực hiện lập phương án hỗ trợ phát triển sản xuất để triển khai thực hiện.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đã ban hành các quyết định về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 từ nguồn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của tỉnh, giao cho UBND các huyện để thực hiện dự án Chăn nuôi lợn mồng cá sinh sản ... theo điều kiện phát triển của từng địa phương.

đ) *Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn*

Về giáo dục: Ban hành đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 – 2025. Tiếp tục thực hiện đầu tư mới, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trường học và mua sắm trang thiết bị dạy học trong năm 2022 đầu tư với tổng kinh phí năm 2022 là 20.773 triệu đồng (ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh).

Về y tế và chăm sóc sức khỏe người dân: Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19. Chỉ đạo tăng cường thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 đảm bảo đúng thời gian yêu cầu; đẩy mạnh công tác truyền thông cho người dân về lợi ích tiêm liều bổ sung, liều nhắc lại vắc xin phòng Covid-19, đảm bảo tất cả người dân đều được tiêm chủng đầy đủ. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo. Tổ chức vận động hiến máu tình nguyện đạt và vượt kế hoạch tỉnh giao. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện dinh dưỡng trẻ em, tiêm chủng mở rộng, các Chương trình mục tiêu về y tế được triển khai thực hiện tốt.

e) *Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn*

Thực hiện xây dựng Đề án “Phát triển Du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị tài nguyên tự nhiên và văn hóa của tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Tổ chức công bố quyết định và đón nhận Bằng công nhận di tích cấp tỉnh đã được UBND tỉnh công nhận. Triển khai các hoạt động và tổ chức thành công Lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến đầy đủ và kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

g) *Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn...*

- Tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường. Chỉ đạo chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; kiểm tra thực địa các mỏ khoáng

sản trên địa bàn tỉnh để xem xét đề xuất bổ sung vào quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường và khoáng sản tại các xã trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chất thải y tế được thu gom, xử lý theo quy định.
- Rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đúng quy định

h) Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công: Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2021 và triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022, tổ chức kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa cấp tỉnh, huyện duy trì nề nếp, đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính công khai minh bạch và đúng quy định. Chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở: Công tác bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, kỷ luật thực hiện theo quy định. Xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua và thực hiện khen thưởng. Kiện toàn các chức danh công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các trường học thuộc ngành giáo dục; phê chuẩn, miễn nhiệm bổ sung thành viên UBND các cấp thay đổi nhân sự kịp thời. Phê duyệt kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2022 và thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức trong diện được chuyển đổi. Hoàn thành tuyển dụng công chức và viên chức trong trường học. Thực hiện thành công Đề án số 07- ĐA/TU ngày 28/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện thí điểm mô hình “Dân tin - Đảng cử” tại các huyện. Triển khai thực hiện xây dựng đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới: Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức các lớp tập huấn truyền thông về bình đẳng giới, kỹ năng phòng chống bạo lực, xâm hại.

- Bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân: Hoạt động công bố, công khai thủ tục hành chính thực hiện thường xuyên theo hướng tinh gọn, công khai và minh bạch. Đã ban hành kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và xây dựng kế

hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022; kế hoạch bồi thường nhà nước; kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở được triển khai thường xuyên.

i) *Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới*

Trong thời gian qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên đã tích cực phối hợp với UBND cùng cấp trong công tác tuyên truyền, triển khai các chủ trương về xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

k) *Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn*

Triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2022; xây dựng lực lượng thường trực, dự bị động viên theo chỉ tiêu; chỉ đạo huấn luyện, luyện tập theo kế hoạch. Thực hiện mở lớp giáo dục quốc phòng an ninh năm 2022 tại các huyện, chỉ đạo các địa phương mở lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng an ninh các cấp tỉnh, huyện, xã. Tổ chức thành công diễn tập chiến đấu phòng thủ các cấp.

Chỉ đạo thực hiện, mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện, các ngày lễ tại địa phương; xây dựng kế hoạch phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, tăng cường trách nhiệm, hiệu quả của lực lượng bảo vệ dân phố, các tổ chức tự quản ở cơ sở, hướng dẫn xây dựng mới 05 mô hình, nhân rộng 09 mô hình an toàn về an ninh trật tự. Tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân, gắn với triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tuần tra, kiểm soát giao thông. Triển khai thực hiện việc phân cấp công tác đăng ký xe mô tô, xe gắn máy. Điều tra, khám phá các vụ phạm tội và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, đạt tỷ lệ cao. Nhìn chung tình hình an ninh trật tự trên địa bàn được kiểm soát chặt chẽ, nhất là trong các dịp lễ, Tết.

l) *Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM*

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình. Triển khai tập huấn cho cán bộ làm công tác

xây dựng nông thôn mới cấp huyện, xã đã triển khai đảm bảo, chất lượng, kịp thời. Nhằm tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở. Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới”.

2.1.2. Đổi với các Chương trình chuyên đề

UBND tỉnh đã phê duyệt đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; kế hoạch triển khai thực hiện năm 2022; Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, chuẩn bị ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các chuyên đề còn lại trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, gồm: Chương trình phát triển du lịch nông thôn; Chương trình khoa học và công nghệ; Chương trình chuyển đổi số, hướng tới nông thôn mới thông minh; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

2.1.3. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp

*** Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới**

Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 02 huyện (Tư Nghĩa và Nghĩa Hành). Thành phố Quảng Ngãi đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định, xét công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

*** Bộ tiêu chí xã nông thôn mới**

Số xã đã có Quyết định công nhận: 93 xã, 4 xã đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Số xã đạt từng tiêu chí tính đến ngày 31/12/2022:

+ Các tiêu chí nhiều xã đạt (trên 120 xã/148 xã), gồm: Tiêu chí 1 (Quy hoạch) có 131 xã, Tiêu chí số 2 (Giao thông) có 123 xã, Tiêu chí 3 (Thủy lợi): 135 xã, Tiêu chí 4 (Điện) có 143 xã, Tiêu chí 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn) có 146 xã, Tiêu chí 8 (Thông tin và Truyền thông) có 142 xã, Tiêu chí số 9 (Nhà ở dân cư) 120 xã, Tiêu chí 12 (Lao động có việc làm) có 145 xã, Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất) có 124 xã. Tiêu chí 14 (Giáo dục và

Đào tạo) có 128 xã, Tiêu chí 16 (Văn hóa) có 145 xã Tiêu chí 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật) có 145 xã, Tiêu chí 19 (Quốc phòng và An ninh) có 140 xã,

+ Các tiêu chí có ít xã đạt (dưới 120 xã/148 xã) gồm: Tiêu chí 5 (Trường học) có 105 xã, Tiêu chí 6 (Cơ sở vật chất văn hóa) có 119 xã, Tiêu chí 10 (Thu nhập) có 97 xã, Tiêu chí 11 (Hộ nghèo) có 97 xã, Tiêu chí số 15 (Y tế) có 117 xã, Tiêu chí 17 (Môi trường và An toàn thực phẩm) có 103 xã,

- Số tiêu chí bình quân/xã: 16,25 (giảm 0,25 tiêu chí so với cuối năm 2021: 16,5). Nguyên nhân do: Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 có nhiều chỉ tiêu và yêu cầu ở mức độ cao hơn so với bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020.

* *Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao*

- Đến thời điểm hiện tại có 9 xã đang tổ chức rà soát, đánh giá, hoàn thiện thủ tục trình cấp thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;

- Số xã đạt từng tiêu chí:

+ Các tiêu chí nhiều xã đạt gồm: Tiêu chí 1 (Quy hoạch) có 36 xã, Tiêu chí 3 (Thủy lợi) có 35 xã, Tiêu chí 4 (Điện) có 43 xã, Tiêu chí 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn) có 39 xã, Tiêu chí số 9 (Nhà ở dân cư) có 45 xã, Tiêu chí 11 (nghèo đa chiều) có 37 xã, Tiêu chí 12 (Lao động) có 37 xã, Tiêu chí 15 (Hành chính công) có 39 xã, Tiêu chí 16 (Tiếp cận Pháp luật) có 35 xã, Tiêu chí 19 (Quốc phòng và An ninh) có 43 xã,

+ Các tiêu chí có ít xã đạt gồm: Tiêu chí số 2 (Giao thông) có 21 xã, Tiêu chí 5 (Giáo dục) có 13 xã, Tiêu chí 6 (Văn hóa) có 7 xã, Tiêu chí 8 (Thông tin và Truyền thông) có 10 xã, Tiêu chí 10 (Thu nhập) có 21 xã, Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất) có 9 xã, Tiêu chí số 14 (Y tế) có 5 xã, Tiêu chí 17 (Môi trường): 11 xã, Tiêu chí 18 (Chất lượng môi trường sống) có 14 xã.

- Số tiêu chí bình quân/xã: 9,43 (đánh giá theo Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025).

* *Khả năng hoàn thành các mục tiêu đến năm 2025*

Phán đầu đến năm 2025, tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành các mục tiêu theo kế hoạch, cụ thể:

- Có 7/13 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó có 1 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;

- 120/148 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 53 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 8/53 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu;

- Có 138/229 thôn đạt chuẩn nông thôn mới (các thôn thuộc xã khu vực miền núi).

2.1.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung thành phần, các chương trình chuyên đề

* *Thuận lợi:* UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đã đạt nhiều kết quả tích cực; giảm tỷ lệ hộ nghèo; phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân vùng nông thôn.

- Các Hội, đoàn thể đã tổ chức tuyên truyền, vận động với nhiều hình thức, đa dạng, đã thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, như cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Xây dựng nếp sống văn minh và lối sống văn hóa”, “Cựu chiến binh đoàn kết giúp nhau giảm nghèo nhanh và bền vững, vươn lên làm giàu chính đáng”,...

- Bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc; kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư, tạo ra diện mạo mới. Hình thành một số mô hình sản xuất tập trung, thu nhập và đời sống của người dân từng bước được cải thiện. Các giá trị văn hóa truyền thống cơ bản từng bước được khôi phục, phát huy, hình thành cộng đồng nông thôn mới xanh - sạch - đẹp. Hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được tăng cường, củng cố, an ninh trật tự, an toàn xã hội nông thôn được giữ vững

* *Khó khăn, vướng mắc:* Cơ sở hạ tầng, các thiết chế văn hóa - thể thao được đầu tư từ lâu đã xuống cấp. Một số xã sau khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 thì tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế giảm xuống, không đạt tiêu chí này theo quy định; tỷ lệ hộ nghèo tăng cao gây nguy cơ rót chuẩn.

- Một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới các xã thuộc khu vực miền núi đạt thấp như: thu nhập, hộ nghèo đa chiều, trường học, môi trường và an toàn thực phẩm, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật xã, cơ sở vật chất văn hóa...

- Đồ án quy hoạch của các xã khu vực miền núi giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020 được xây dựng từ những năm 2011, 2012 tuy có điều chỉnh nhưng so với thời điểm hiện tại thì chất lượng còn thấp, chưa gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thiếu tính liên kết vùng, thiếu định hướng thế mạnh để phát triển của địa phương. Việc quản lý quy hoạch chưa tốt, nhiều nơi còn hình thức.

- Việc tổ chức vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn, sản xuất hàng hóa tập trung gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Sản xuất nông nghiệp nhiều nơi vẫn còn mang tính truyền thống, hiệu quả thấp, không ổn định.

* *Nguyên nhân tồn tại và hạn chế:* Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, bộ tiêu chí, các cơ chế chính sách của Trung ương ban hành chưa kịp thời, một số nội dung hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương vẫn chưa được ban hành gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

- Nguồn lực Trung ương, tính bố trí cho xây dựng nông thôn mới chưa đáp ứng nhu cầu của các địa phương. Việc huy động vốn đối ứng từ ngân sách huyện/xã cho chương trình còn hạn chế, việc huy động nguồn lực để thực hiện chương trình gặp khó khăn, chủ yếu dựa vào sự đầu tư, hỗ trợ từ nhà nước.

- Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp có nhiều chỉ tiêu chưa sát với thực tiễn, yêu cầu đạt chuẩn cao hơn.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới các huyện không có cán bộ chuyên trách, đa số là do công chức, viên chức của Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế và Hạ tầng kiêm nhiệm. Do đó, việc theo dõi, tổng hợp báo cáo của các địa phương không kịp thời, số liệu, thời gian chưa đảm bảo.

- Tiến độ thực hiện Chương trình không đồng đều, có sự chênh lệch tương đối lớn giữa các huyện, thành phố, giữa vùng đồng bằng và miền núi; bộ mặt nông thôn chuyển biến rõ rệt ở nhóm các xã đạt chuẩn nông thôn mới được ưu tiên hỗ trợ nguồn lực từ Chương trình, nhóm các xã khác chậm chuyển biến.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện theo quy trình mới, nội dung, định mức hỗ trợ được quy định rất chặt chẽ, có hợp đồng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm... Nhưng hiện nay việc bao tiêu sản phẩm đầu ra là khó khăn, các doanh nghiệp, hợp tác xã chưa thật sự mạnh dạn vào cuộc, mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp sản phẩm đầu vào là chính và bao tiêu một phần hạn chế sản phẩm đầu ra, người dân vẫn là chính trong việc tiêu thụ sản phẩm của mình, do đó các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất vẫn xoay quanh các cây trồng vật nuôi truyền thống và có thị trường ổn định từ trước, chưa thực sự có sự đột phá về mô hình mới.

2.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

2.2.1. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (từ năm 2021-2023).

Tỷ lệ hộ nghèo đầu năm 2022 có 9,11% đến cuối năm giảm xuống còn 7,8%, giảm 1,31% đạt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu giảm 1-1,5%/năm). Trong đó, các huyện nghèo¹⁶ đầu năm 2022 có 43,93% đến cuối năm 2022 giảm xuống còn 38,61%, giảm 5,32% vượt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu giảm 4-4,5%/năm). Tỷ lệ hộ nghèo xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo¹⁷ đầu năm 2022 có 10,12% đến cuối năm giảm xuống còn 8,7%, giảm 1,4%.

2.2.2. Kết quả triển khai và giải ngân các dự án thành phần chương trình.

¹⁶ Các huyện: Trà Bồng, Sơn Tây theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

¹⁷ Huyện Lý Sơn thuộc diện xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng ngân sách bố trí năm 2022 là 267.112 triệu đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 232.232 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 171.173 triệu đồng, vốn sự nghiệp 61.059 triệu đồng*), vốn ngân sách địa phương (tỉnh 25.264 triệu đồng: *vốn đầu tư phát triển 18.421 triệu đồng, vốn sự nghiệp 6.843 triệu đồng; huyện 9.580 triệu đồng: Vốn đầu tư phát triển 7.255 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.325 triệu đồng*) là 34.844 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển 25.676 triệu đồng, vốn sự nghiệp 9.168 triệu đồng*) để thực hiện các dự án của Chương trình, cụ thể:

a) Dự án 1: *Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.*

Ngân sách Trung ương 150.592 triệu đồng (*trong đó: đầu tư phát triển 145.090 triệu đồng; vốn sự nghiệp 5.502 triệu đồng*); ngân sách địa phương 22.598 triệu đồng (*trong đó: đầu tư phát triển 21.764 triệu đồng; vốn sự nghiệp 825 triệu đồng*); huy động khác 250 triệu đồng.

* *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.*

- Kinh phí: Ngân sách Trung ương 150.592 triệu đồng (*trong đó: đầu tư phát triển 145.090 triệu đồng; vốn sự nghiệp 5.502 triệu đồng*); ngân sách địa phương 22.598 triệu đồng (*trong đó: đầu tư phát triển 21.764 triệu đồng; vốn sự nghiệp 825 triệu đồng*); huy động khác 250 triệu đồng.

* *Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Tỉnh Quảng Ngãi không có huyện nghèo thuộc đối tượng thực hiện).*

b) Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Kinh phí: Ngân sách Trung ương 18.013 triệu đồng; ngân sách địa phương 2.702 triệu đồng; huy động khác 5.000 triệu đồng (*nguồn vốn huy động dự kiến chủ yếu từ đối tượng, doanh nghiệp, hợp tác xã, vốn vay tín dụng ưu đãi*).

c) Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

* *Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*

- Kinh phí: Ngân sách Trung ương 7.792 triệu đồng; ngân sách địa phương 1.169 triệu đồng; huy động khác 2.200 triệu đồng (*nguồn vốn huy động dự kiến chủ yếu từ đối tượng, doanh nghiệp, hợp tác xã, vốn vay tín dụng ưu đãi*).

* *Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng (Trung ương không phân bổ kinh phí thực hiện nên không có căn cứ để đổi ứng ngân sách địa phương thực hiện trong năm 2022).*

d) Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

* *Tiểu dự án 1.* Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Kinh phí: Ngân sách Trung ương 43.255 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư phát triển 24.769 triệu đồng; vốn sự nghiệp 14.486 triệu đồng*); ngân sách địa phương 6.488 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư phát triển 3.715 triệu đồng; vốn sự nghiệp 2.773 triệu đồng*); huy động khác (*không*).

* *Tiểu dự án 2.* Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Kinh phí: Ngân sách Trung ương 571 triệu đồng; ngân sách địa phương 86 triệu đồng; huy động khác (*không*);

* *Tiểu dự án 3.* Hỗ trợ việc làm bền vững

- Kinh phí: Ngân sách Trung ương 4.595 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư phát triển 1.314 triệu đồng; vốn sự nghiệp 3.281 triệu đồng*); ngân sách địa phương 689 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư phát triển 197 triệu đồng; vốn sự nghiệp 492 triệu đồng*); huy động khác (*không*).

e) Dự án 5. *Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (Năm 2022 Trung ương không bồi kinh phí nên không thực hiện).*

g) Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

* *Tiểu dự án 1.* Giảm nghèo về thông tin

- Kinh phí: Ngân sách Trung ương 508 triệu đồng; ngân sách địa phương 76 triệu đồng; huy động khác 1.824 triệu đồng.

* *Tiểu dự án 2.* Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Kinh phí: Ngân sách Trung ương 634 triệu đồng; ngân sách địa phương 95 triệu đồng; huy động khác (*không*).

- Kết quả giải ngân nguồn vốn năm 2022 các dự án, tiểu dự án của Chương trình đến ngày 31/12/2022 là 74.987 triệu đồng, tỷ lệ 28,08% so với tổng kết hoạch vốn. Trong đó, vốn đầu tư phát triển giải ngân 67.992 triệu đồng, tỷ lệ 34,50%, vốn sự nghiệp giải ngân 6.994 triệu đồng, tỷ lệ 9,96%.

2.2.3. Kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

Đầu năm 2022 trên địa bàn toàn tỉnh có 33.828 hộ, tỷ lệ 9,11% đến cuối năm 2022 giảm xuống còn 29.229 hộ, tỷ lệ 7,80% giảm 1,31% (tương đương giảm 4.599 hộ), đạt chỉ tiêu đề ra (giảm từ 1-1,5%/năm). Trong đó, miền núi đầu năm 2022 có 23.099 hộ, tỷ lệ 35,64% đến cuối năm giảm xuống còn 19.872 hộ, tỷ lệ 30,27%, giảm 5,37% (tương đương giảm 3.227 hộ), vượt chỉ tiêu đề ra (giảm từ 4-4,5%/năm). Dự kiến, đến cuối năm 2025 cơ bản hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra.

2.2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế, khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, tiêu dự án.

* *Thuận lợi:* Nhờ sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận, đoàn thể, sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của người nghèo, các dự án của Chương trình đã lồng ghép cùng với các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, từ đó chỉ tiêu giảm nghèo qua các năm đạt kế hoạch đề ra.

Đối với công tác lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ vốn năm 2021, 2022 được UBND tỉnh chỉ đạo khẩn trương thực hiện ngay sau khi được thông qua HĐND tỉnh; trong năm 2023 vốn đầu tư phát triển được HĐND tỉnh thông qua cuối năm 2022 và UBND tỉnh phân bổ ngay trong tháng 01 năm 2023 để địa phương đơn vị triển khai thực hiện. Nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương năm 2021, 2022 và năm 2023 đã dự kiến trong cả giai đoạn 2021-2025 nên đảm bảo để bố trí thực hiện.

* *Khó khăn, vướng mắc:*

- Nguồn vốn sự nghiệp của Trung ương giao hàng năm chậm dẫn đến việc phân bổ cho các địa phương chậm, đồng thời nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) tuy HĐND tỉnh đã có quy định cụ thể tỷ lệ vốn đối ứng (cấp tỉnh 10%, cấp huyện 5% vốn ngân sách Trung ương) nhưng khi phân bổ nguồn vốn này cũng phải thông qua HĐND cùng cấp mới có căn cứ thực hiện dẫn đến nguồn vốn đối ứng thường xuyên phân bổ chậm. Năm 2021 và năm 2022 tỷ lệ giải ngân còn thấp lý do năm 2021 Trung ương chưa hành Chương trình giai đoạn 2021-2025 việc triển khai thực hiện, giải nguồn kinh phí phân bổ ở một số địa phương còn lúng túng do các văn bản giai đoạn 2016-2020 hết hiệu lực thi hành, các bộ ngành chưa hướng dẫn kịp thời. Sang năm 2022 sau khi Chương trình giai đoạn 2021-2025 được ban hành thì các văn bản hướng dẫn triển khai của bộ, ngành Trung ương còn chậm, ở cấp tỉnh nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành phải thông qua HĐND tỉnh mới có căn cứ thực hiện.

- Nội dung phân bổ kinh phí sự nghiệp hàng năm của Bộ Tài chính chỉ nêu "sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp văn hóa thông tin, sự nghiệp kinh tế". Trong khi đó, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững quy định chi tiết tên cụ thể của Tiêu dự án. Do đó, việc phân bổ kinh phí cho từng Tiêu dự án của Chương trình cũng gặp khó khăn.

* *Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:* Các dự án, chính sách của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cơ bản phù hợp với các chỉ tiêu của Chương trình. Tuy nhiên, chưa được bao phủ cho tất cả đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo như: Chỉ tiêu thiếu hụt về nhà ở chỉ hỗ trợ trên địa bàn huyện nghèo, các địa phương còn lại chưa được chính sách của Chương trình tác động; chỉ tiêu nhà tiêu hợp vệ sinh, nước sinh hoạt hợp vệ sinh chưa có chính sách tác động (trừ các huyện nghèo, xã bãi ngang

được đầu tư các công trình nước sinh hoạt)...

- Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề được quan tâm, ưu tiên nguồn lực đầu tư. Tuy nhiên, việc tuyên truyền, vận động người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo....tham gia học nghề còn gặp nhiều khó khăn (đối tượng không muốn học nghề), chính sách hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn nhiều thủ tục, hồ sơ, gây khó khăn trong quá trình thực hiện nên đa số các cơ sở đào nghề còn e ngại trong việc tổ chức thực hiện hoạt động dạy nghề từ nguồn hỗ trợ này.

2.3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.3.1. Về thực hiện phân định địa bàn, đối tượng, phạm vi thực hiện.

Được thực hiện trên địa bàn 05 huyện miền núi⁽¹⁸⁾ và 03 huyện có vùng đồng bào DTTS⁽¹⁹⁾ bao gồm Có 61 xã (06 xã khu vực I, 03 xã khu vực II, 52 xã khu vực III) và 241 thôn ĐBK (có 235 thôn ĐBK thuộc xã khu vực III, 03 thôn ĐBK thuộc xã khu vực II, 01 thôn ĐBK thuộc xã khu vực I và 02 thôn ĐBK thuộc xã có thôn thuộc vùng DTTS&MN)⁽²⁰⁾

2.3.2. Kết quả thực hiện phân bổ và giải ngân của các dự án, tiểu dự án

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Kế hoạch vốn thực hiện năm 2022 là 70.541 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư 59.765 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 54.332 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 5.433 triệu đồng); vốn sự nghiệp 10.776 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 9.796 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 980 triệu đồng). UBND tỉnh ban hành Công văn số 5319/UBND-KGVX ngày 19/10/2022 hướng dẫn quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách và Công văn số 5611/UBND-KGVX ngày 03/11/2022 áp dụng hạn mức giao đất ở để xây dựng nhà ở thuộc Dự án 1 - Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; các địa phương đang triển khai thực hiện, chủ yếu là đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định của cấp có thẩm quyền về mức hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt tập trung từ nguồn vốn đầu tư công, nên các huyện chưa thực hiện các nội dung hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ đất ở và hỗ trợ đất sản xuất mà chỉ thực hiện đầu tư hệ thống nước sinh hoạt tập trung. Trong năm 2022, đã bố trí vốn thực hiện 29 công trình nước sinh hoạt tập trung; đã giải ngân là 26.303 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư công

⁽¹⁸⁾ Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long.

⁽¹⁹⁾ Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành.

⁽²⁰⁾ Được phê duyệt tại và Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021

(trong đó: ngân sách Trung ương 25.330 triệu đồng; ngân sách tỉnh 974 triệu đồng).

b) Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

Kế hoạch vốn đầu tư công là 25.639 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương là 23.308 triệu đồng; ngân sách tỉnh 2.331 triệu đồng. Trong năm 2022, đã bố trí vốn thực hiện 09 dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư.

Đến nay đã giải ngân là 8.222 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư công (trong đó: ngân sách Trung ương 7.724 triệu đồng; ngân sách tỉnh 498 triệu đồng).

c) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

* *Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*

- Kế hoạch vốn thực hiện năm 2022 là 43.844 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 38.125 triệu đồng; ngân sách tỉnh 5.719 triệu đồng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện khoán bảo vệ rừng và thanh toán cho các đối tượng thụ hưởng. Tổng diện tích hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho đối tượng chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh; hỗ trợ bảo vệ rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và UBND các xã, thuộc các huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng và Minh Long (Tiểu Dự án 1 –Dự án 3) là 63.567,3 ha (gồm: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng cho đối tượng chủ rừng là Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 47.694,24 ha và Hỗ trợ bảo vệ rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và UBND các xã là 15.873,01 ha).

Đến nay đã giải ngân là 27.172 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Trung ương.

* *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.*

- Nội dung: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

+ Tổng Kế hoạch vốn năm 2022 là 9.121 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư công là 7.108 triệu đồng (Ngân sách trung ương là 6.181 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 927 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 2.013 triệu đồng (Ngân sách trung ương là 1.830 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 183 triệu đồng). Ủy ban nhân dân huyện Trà Bồng đang triển khai thực hiện thủ tục lựa chọn dự án theo quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế. Chưa giải ngân.

- Nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi

sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN

+ Kế hoạch vốn năm 2022 là 18.188 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: Ngân sách Trung ương là 16.468 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 1.720 triệu đồng.

Đối với nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021 – 2025, thực hiện nội dung Công văn số 6205/UBND-KGVX của UBND tỉnh, hiện nay các địa phương đang xây dựng kế hoạch gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp xây dựng kế hoạch chung của tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt.

Đối với nội dung Hỗ trợ thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 25/11/2022 về việc về việc thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3 năm 2022; Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức 01 Hội nghị thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN; Sở Công Thương tổ chức 03 hoạt động để các doanh nghiệp, HTX, hộ sản xuất kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS và MN tham gia hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, tiêu thụ hàng hóa tại các tỉnh Đăk Nông, Quảng Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến nay giải ngân là 370 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (trong đó: Ngân sách Trung ương là 329 triệu đồng; ngân sách tỉnh 41 triệu đồng).

d) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

* Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

- Kế hoạch vốn thực hiện năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 119.459 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư là 113.056 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 102.778 triệu đồng; ngân sách tỉnh 10.278 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 6.403 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 5.821 triệu đồng; ngân sách tỉnh 582 triệu đồng). Trong năm 2022, các huyện đã triển khai thi công 126 công trình; hầu hết đã thi công hoàn thành và bàn giao một số công trình đưa vào sử dụng; tiếp tục thi công các công trình khác chưa hoàn thành.

Đến nay đã giải ngân là 73.418 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư công 71.715 triệu đồng (ngân sách trung ương 69.507 triệu đồng; ngân sách tỉnh 2.208 triệu đồng); vốn sự nghiệp 1.703 triệu đồng (ngân sách trung ương 1.546 triệu đồng; ngân sách tỉnh 157 triệu đồng).

* Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc: Tỉnh Quang Ngãi không thực hiện vì không có đối tượng theo quy định tại tiểu dự án này.

e) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

* *Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cung cấp phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS*

- Kế hoạch vốn thực hiện năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 29.593 triệu đồng; trong đó: Vốn đầu tư là 27.348 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 23.443 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 3.905 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 2.245 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 2.022 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 223 triệu đồng). Trong năm 2022, Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện đã bố trí vốn để thực hiện 17 công trình (Sở Giáo dục và Đào tạo 04 công trình; UBND các huyện 13 công trình); triển khai 05 lớp tập huấn truyền truyền công tác triển khai chương trình xóa mù chữ trên địa bàn 05 huyện miền núi; Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện mua sắm 11 máy tính để bàn và 11 màn hình hiển thị cấp cho 09 trường THPT và tổ chức tập huấn truyền truyền công tác triển khai chương trình xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đến nay đã giải ngân là 17.671 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư công là 17.206 triệu đồng (gồm: ngân sách trung ương là 15.707 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 1.499 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 465 triệu đồng (gồm: ngân sách trung ương là 404 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 61 triệu đồng).

* *Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS*

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 2.770 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 2.462 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 308 triệu đồng). Ban Dân tộc đã tổ chức 13 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 4 tại 5 huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tây cho 339 học viên.

Đến nay đã giải ngân là 1.066 triệu đồng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương

* *Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi*

Kế hoạch vốn giao năm 2022 ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 12.149 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 10.945 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 1.204 triệu đồng). Đã tổ chức 20 phiên giao dịch việc làm với các hình thức đa dạng hóa (cố định, lưu động, trực tuyến) nhằm phổ biến thông tin thị trường lao động cho người lao động, kết nối cung cầu lao động; tư vấn, giới thiệu việc làm cho 13.942 lượt người, kết nối việc làm cho khoảng 4.269 lượt người. Hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động đã có 66 lao động

tại huyện nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã xuất cảnh (*gồm thị trấn Nhật Bản 42 lao động, Hàn Quốc 21 lao động, Đài Loan 03 lao động*), chờ xuất cảnh là 56 lao động.

Đến nay đã giải ngân là 261 triệu đồng vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương.

* *Tiêu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp*

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 4.078 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (Ngân sách Trung ương là 3.625 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 453 triệu đồng). UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 29/11/2022 về việc thực hiện Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Chưa giải ngân.

g) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 5.901 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư 4.140 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 3.700 triệu đồng; ngân sách tỉnh 440 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 1.761 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 1.571 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 190 triệu đồng). Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện đang triển khai thực hiện như: tổ chức điều tra, khảo sát địa điểm thực hiện 02 nội dung đầu tư công thuộc Dự án 6 trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện các hoạt động sự nghiệp và phổ biến các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương trong quản lý, triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá, giám sát Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi và Dự án 6 tại địa phương. Điều tra, khảo sát địa điểm thực hiện Dự án Đầu tư bảo tồn Làng văn hóa truyền thống dân tộc Kor tại huyện Trà Bồng; địa điểm thực hiện Dự án Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt về Địa điểm Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ; UBND các huyện đã thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo 07 Nhà Văn hóa thôn.

Đến nay đã giải ngân là 1.766 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư công 1.347 triệu đồng (ngân sách Trung ương 1.088 triệu đồng; ngân sách tỉnh 259 triệu đồng); vốn sự nghiệp 419 triệu đồng (ngân sách Trung ương 313 triệu đồng; ngân sách tỉnh 106 triệu đồng).

h) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 2.617 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (ngân sách Trung ương là 2.368 triệu đồng; ngân sách tỉnh 249 triệu đồng). Sở Y tế đã triển khai

01 lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý dân số vùng ĐBDTTS&MN cho đối tượng là Lãnh đạo Phòng Y tế, Trung tâm Y tế, phòng Dân số và viên chức làm công tác dân số tại Trạm Y tế 61 xã vùng ĐBDTTS&MN; 02 lớp nâng cao chất lượng dân số vùng ĐBDTTS&MN cho đối tượng là Cộng tác viên dân số thuộc huyện Sơn Hà và huyện Trà Bồng; Tập huấn chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời cho cán bộ y tế từ tuyến huyện đến cộng tác viên/Y tế thôn bản, tổng cộng 13 lớp, số người tham dự: 279 người.

Đến nay đã giải ngân là 1.565 triệu đồng (ngân sách Trung ương 1.436 triệu đồng; ngân sách tỉnh 129 triệu đồng).

i) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 6.335 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương là 5.708 triệu đồng; ngân sách tỉnh 627 triệu đồng). Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã thành lập 30 Tổ truyền thông cộng đồng tại 30 thôn/6 huyện; thành lập mới và củng cố, nâng cao chất lượng 06 Địa chỉ tin cây cộng đồng; tổ chức 02 hội nghị hướng dẫn thành lập và vận hành quản lý Tổ truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook...; 02 Hội nghị tuyên truyền xóa bỏ định kiến giới, khuôn mẫu giới tại cơ sở; 02 hội nghị hướng dẫn đổi thoại chính sách và giám sát, đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn; 02 hội nghị cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo Chương trình 2 về phát triển năng lực lồng ghép giới; 12 hội nghị cho cán bộ thôn, người có uy tín trong thôn theo Chương trình 3 về phát triển năng lực lồng ghép giới cho cộng đồng. Hội Liên hiệp Phụ nữ các huyện đã ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án 8 cho giai đoạn và năm 2022 và đang hoàn chỉnh các quyết định Thành lập Ban Điều hành; Quy chế làm việc của Ban Điều hành; Tổ giúp việc Ban Điều hành Dự án và xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện tại địa phương theo lộ trình; đã thành lập 04 Tổ truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng và truyền thông hướng dẫn xây dựng mạng lưới truyền thông trên nền tảng số zalo, facebook; tổ chức 05 lớp tập huấn hướng dẫn vận hành quản lý Tổ truyền thông theo Sổ tay hướng dẫn truyền thông; 02 Hội nghị tuyên truyền Dự án 8 và xóa bỏ định kiến giới, khuôn khổ mẫu giới tại cơ sở; 02 lớp tập huấn về nâng cao chất lượng Địa chỉ tin cây cộng đồng; 02 lớp tập huấn hướng dẫn đổi thoại chính sách và giám sát, đánh giá việc thực hiện Dự án 8.

Đến nay đã giải ngân là 1.366 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (trong đó: Ngân sách Trung ương là 1.328 triệu đồng; ngân sách tỉnh 38 triệu đồng).

k) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

* *Tiểu Dự án 1; Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.*

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của

ngân sách tỉnh là 10.266 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 9.333 triệu đồng; ngân sách tỉnh 933 triệu đồng.

Đến nay đã giải ngân là 2.151 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp (trong đó: Ngân sách Trung ương là 1.955 triệu đồng; ngân sách tỉnh 196 triệu đồng).

* *Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.*

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ NSTW và đối ứng của NST là 1.534 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: ngân sách Trung ương là 1.385 triệu đồng; ngân sách tỉnh 149 triệu đồng. Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện năm 2022; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện tổ chức 05 Hội nghị hội nghị phổ biến, tuyên truyền giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên; những tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại một số trường THCS đóng trên địa bàn các huyện miền núi; ban hành Kế hoạch phối hợp với huyện Sơn Hà và huyện Ba Tơ tổ chức Hội thi tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại Trường THPT trên địa bàn huyện Sơn Hà và Ba Tơ vào tháng 11/2022.

Đến nay đã giải ngân 641 triệu đồng vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương 624 triệu đồng; ngân sách tỉnh 17 triệu đồng).

I) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

* *Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG.*

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 1.771 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: Ngân sách Trung ương là 1.580 triệu đồng; ngân sách tỉnh 191 triệu đồng. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 –2025 (tại Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 22/9/2022).

Ban Dân tộc tỉnh đã ban hành Quyết định số 48/QĐ-BĐT ngày 24/01/2022 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022; Tiếp tục cấp báo Quảng Ngãi, báo Dân tộc và Phát triển cho người có uy tín; tổ chức cho người có uy tín đi tham quan học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh từ ngày 23/4-29/4. Thăm viếng 14 trường hợp: viếng 04 người có uy tín qua đời, 02 thân nhân qua đời; thăm 08 gia đình người có uy tín gặp khó khăn, và hỗ trợ với tổng kinh phí 14 triệu đồng theo định mức quy định; cấp phát 27 đài

radio cho người có uy tín được thay thế trong năm 2022; phối hợp UBND các huyện trao tặng 55 điện thoại thông minh Vsmart do Quỹ Thiện tâm của Tập đoàn Vingroup tài trợ (do Ủy ban Dân tộc ủy quyền) cho 55 người có uy tín. Tổ chức đón tiếp, gặp mặt 06 đoàn của các huyện trong tỉnh và 07 đoàn ngoài tỉnh. Tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào cuối tháng 10 năm 2022; đã giải ngân 582 triệu đồng vốn sự nghiệp (trong đó: Ngân sách Trung ương 565 triệu đồng; ngân sách tỉnh 17 triệu đồng).

* *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN*

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 5.549 triệu đồng; trong đó: vốn đầu tư công là 4.868 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 4.366 triệu đồng; ngân sách tỉnh 502 triệu đồng); vốn sự nghiệp là 681 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 604 triệu đồng; ngân sách tỉnh 77 triệu đồng). Hiện nay Bộ Thông tin và Truyền thông chưa hướng dẫn thực hiện “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 10; Ủy ban Dân tộc chưa hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nên chưa thể thực hiện nội dung này.

* *Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.*

Kế hoạch vốn giao năm 2022 từ ngân sách Trung ương và đối ứng của ngân sách tỉnh là 835 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp; trong đó: Ngân sách Trung ương là 742 triệu đồng; ngân sách tỉnh 93 triệu đồng. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 12/9/2022 về việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về theo dõi, kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Trên cơ sở đó, hiện nay UBND các huyện, các sở ngành được giao nhiệm vụ cũng đã ban hành kế hoạch kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình.

Trong năm 2022, Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh đã tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn các xã, huyện (gồm: Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng). Ban Dân tộc tỉnh đã có kế hoạch kiểm tra huyện Minh Long và 02 thôn của huyện Nghĩa Hành. Ngoài ra, các Sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì hướng dẫn thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần như Sở Tư pháp, Công thương, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh cũng đã tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện trên địa bàn các huyện; đã giải ngân 128 triệu

đồng vốn sự nghiệp (trong đó: ngân sách Trung ương 119 triệu đồng; ngân sách tỉnh 9 triệu đồng).

2.3.3. Kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu chương trình:

Đầu năm 2022, toàn vùng đồng bào DTTS&MN có 23.099 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 35,64%; có 9.204 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 14,2% đến cuối năm, trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 5,37% xuống còn 30,27% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,99%; có 05 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, đạt tỷ lệ 8,2%; 100% xã có điện lưới quốc gia; Hệ thống giao thông ở vùng đồng bào DTTS&MN cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, thôn đang từng bước được cải thiện, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa, cứng hóa; 95,5% thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng. Dự kiến đến cuối năm 2025 cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

2.2.4. Phân tích những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những thuận lợi và những kết quả đã đạt được thì vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, nhất là trong việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN như:

- Nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai trong khi quy mô các nội dung chính sách lại nhỏ và có nhiều cơ quan tham gia chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện do đó dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện.

- Ngày 30/6/2022, Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư số 02/2022/TT-UBDT hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình; tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện thông tư này vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc như:

- + Chưa hướng dẫn rõ định mức hỗ trợ, cơ chế thực hiện và thanh, quyết toán vốn đầu tư công của các nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở và đất sản xuất của Dự án 1 (đồng thời cũng là định mức để hỗ trợ nhà ở trực tiếp cho hộ gia đình được thụ hưởng chính sách tại Dự án 2);

- + Quy định đối tượng đào tạo đại học thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 5 chưa phù hợp với quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-Tg và chưa hướng dẫn rõ quy trình lựa chọn đối tượng, hình thức ký kết hợp đồng đào tạo (tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định đối tượng đào tạo đại học là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học; các đối tượng này trên địa bàn tỉnh rất ít nên không triển khai thực hiện chính sách được);

- + Chưa ban hành Bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4 của Dự án 5;
- + Chưa hướng dẫn cụ thể về hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 9;
- + Chưa hướng dẫn tiêu chí xác định lực lượng cốt cán có uy tín thuộc Tiểu dự án 1 của dự án 10;
- + Chưa hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2 của dự án 10 nên không thể lập danh mục dự án đầu tư (*đối với nguồn vốn đầu tư công*).
- Bộ Thông tin và Truyền thông chưa hướng dẫn thực hiện “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 10 nên chưa thể thực hiện nội dung này.

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được

Nhìn chung quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh đã được chỉ đạo kịp thời, hoàn thành việc thành lập Ban Chỉ đạo, phân công cụ thể nhiệm vụ cho các thành viên, từ đó tạo sự xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Kịp thời ban hành các Văn bản quy phạm pháp luật, các Văn bản triển khai thực hiện các chương trình theo quy định của Trung ương. Vì vậy đã đạt được nhiều kết quả quan trọng đối với từng chương trình như sau:

+ *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*: Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án, các chính sách liên quan và tập trung huy động nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; bên cạnh việc bảo tồn truyền thống văn hóa của dân tộc, hướng dẫn, hỗ trợ người dân xóa bỏ những thủ tục lạc hậu, tiếp cận văn minh để hòa nhập tốt với cộng đồng xã hội; góp phần từng bước cải thiện đời sống đồng bào dân tộc, trong đó vấn đề nhà ở, hạ tầng phục vụ dân sinh đã được quy hoạch và đầu tư xây dựng; chất lượng cuộc sống được cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo giảm; hệ thống lưới điện được đầu tư; không còn tình trạng hôn nhân cận huyết thống; học sinh được đến trường đúng độ tuổi; tình hình an ninh trật tự được kiểm soát tốt.

+ *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*: Được thực hiện công khai, minh bạch từ việc xác định đối tượng hỗ trợ đến việc phân bổ vốn và kiểm tra, giám sát của các cơ quan Trung ương, địa phương, cộng đồng,

người dân, đặc biệt là sự giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và Hội đồng nhân dân các cấp. Phong trào Quảng Ngãi chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau được các địa phương hưởng ứng và triển khai thi đua thực hiện hiệu quả, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững, đảm bảo mức giảm tỷ lệ hộ nghèo **1-1,5%** năm (*năm 2022 giảm 1,31% đạt chỉ tiêu đề ra*).

+ *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*: Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ các cấp về chủ trương, chính sách của Chương trình giai đoạn 2021-2025 thực hiện sâu, rộng; xây dựng nông thôn mới tiếp tục là phong trào sôi nổi trên toàn tỉnh, trở thành nhu cầu, mong muốn của cộng đồng dân cư. Kinh tế nông thôn tăng trưởng khá, năng lực, trình độ sản xuất được nâng lên, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được tập trung chỉ đạo và có những thành công bước đầu, tạo sức lan tỏa rộng rãi góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân; Công tác bảo vệ môi trường ở nông thôn ngày càng được thực hiện tốt hơn.

3.2. Tồn tại, hạn chế

Kết quả thực hiện các Chương trình chưa đồng đều ở các địa phương, một số đơn vị tiến độ thực hiện chậm, chưa có sự vào cuộc quyết liệt.

Việc triển khai thực hiện một số chương trình, dự án, đặc biệt dự án hỗ trợ sản xuất, nhân rộng mô hình được triển khai ở các địa phương hiệu quả chưa cao. Kết quả thực hiện tại các xã chưa đạt chuẩn còn hạn chế, nhiều tiêu chí khối lượng cần thực hiện để đạt chuẩn còn rất lớn (như: tiêu chí giao thông, cơ sở vật chất văn hóa, môi trường, khu dân cư kiểu mẫu,...); tiến độ triển khai thực hiện một số chỉ tiêu về huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu còn chậm, khối lượng cần thực hiện khá lớn.

Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP có nhiều tiêu chí chưa sát với thực tế, nhiều tiêu chí mang tính định tính nên khó thống nhất trong việc đánh giá. Quy mô các tổ chức kinh tế tham gia chương trình OCOP còn nhỏ và năng lực quản trị còn yếu, thiếu kiến thức về kinh tế thị trường; chưa đủ khả năng để hình thành và phát triển các sản phẩm quy mô lớn.

Quá trình rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo ở một số địa phương triển khai chậm; một số địa phương chưa nghiêm túc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo, báo cáo chậm tiến độ; số liệu báo cáo chưa chính xác, chưa phản ánh hết việc thực hiện các dự án, tiêu dự án thuộc chương trình.

Việc giảm tỷ lệ hộ nghèo đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn gặp nhiều khó khăn.

3.3. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế

Dịch COVID-19 được kiểm soát, nền kinh tế đang phục hồi nhưng chịu áp lực lạm phát, tỷ giá lãi suất tăng cao; trong tỉnh, sụt giảm về sản lượng một

số sản phẩm công nghiệp chủ lực, diễn biến thất thường của thời tiết, khó khăn vướng mắc trong thực hiện một số dự án đầu tư... đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, dẫn đến việc huy động nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững gặp nhiều khó khăn.

Đối tượng thụ hưởng trên địa bàn đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tương đối lớn, chủ yếu tập trung ở các huyện miền núi của tỉnh nên việc triển khai Chương trình đến cơ sở còn gặp nhiều khó khăn.

Đầu giai đoạn một số văn bản hướng dẫn của Trung ương ban hành chậm, dẫn đến sự lúng túng, chậm trễ trong triển khai phân bổ, giao kế hoạch vốn thực hiện chương trình.

4. Bài học kinh nghiệm

* *Về lãnh đạo, chỉ đạo:* Có quan điểm đúng đắn, kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; xác định rõ xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững là các chương trình có tác động lớn, toàn diện đến xã hội nông thôn. Tỉnh đã huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào cuộc một cách quyết liệt, luôn quán triệt phuong châm của Ban Chỉ đạo Trung ương "Nông thôn mới có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc"; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động thực hiện có hiệu quả "Phong trào Quảng Ngãi chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau".

* *Về phối hợp thực hiện:* Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm cho từng sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan; làm tốt công tác phối kết hợp giữa các cấp, các ngành; tránh sự chồng chéo trong phân công nhiệm vụ, không đơn vị chịu trách nhiệm. Quá trình thực hiện, phải đặc biệt quan tâm công tác tuyên truyền, vận động, đào tạo, nâng cao nhận thức, ý thức của đội ngũ cán bộ, người dân và cộng đồng, tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện. Biết lựa chọn các nội dung trọng tâm, gắn với lợi ích thiết thực của người dân, cộng đồng và kiên trì tổ chức thực hiện; xây dựng mô hình, điển hình tốt, thuyết phục để nhân rộng; phải luôn biết "giữ lửa" cho phong trào xây dựng nông thôn mới.

Phải thực sự phát huy được vai trò chủ thể của người dân. Công tác tuyên truyền là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt, phải làm cho người dân ý thức được vai trò chủ thể của mình, chủ động, tự giác thực hiện, nhà nước chỉ định hướng, hỗ trợ.

* *Về tổ chức triển khai các dự án, chính sách:* Có cơ chế, chính sách, có cách làm sáng tạo trong huy động nguồn lực, nhất là nguồn xã hội hóa. Ngân sách nhà nước chủ yếu mang tính hỗ trợ, kích hoạt, thường theo kết quả đầu ra; phân cấp, trao quyền chủ động cho cơ sở, người dân và cộng đồng; tăng cường sinh hoạt, đối thoại, phát huy cao dân chủ cơ sở; công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tạo sự tin tưởng của

người dân, cộng đồng và toàn xã hội.

Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn cho cơ sở; định kỳ đánh giá, chấn chỉnh kịp thời những yếu kém, lêch lạc. Quan tâm đúng mức việc sơ, tổng kết, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân điển hình, tạo phong trào thi đua mạnh mẽ, rộng khắp.

Cơ chế, chính sách đồng bộ, sát đúng, kịp thời, phải thể hiện rõ và đảm bảo được quyền quyết định của chủ thể là người dân. Lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ các chương trình dự án khác với Chương trình MTQG. Cộng đồng dân cư phải trực tiếp tham gia, bàn bạc lựa chọn nội dung, công việc thực hiện, quyết định mức đóng góp và tổ chức thực hiện. Thủ tục đầu tư, hồ sơ thanh quyết toán nguồn vốn phải đơn giản, dễ thực hiện.

Phần 3

GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện các Chương trình trong thời gian tới

(1) Các cấp, các ngành và địa phương được giao quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 tập trung, nỗ lực thực hiện hiệu quả, đồng bộ việc lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực, khơi dậy, thu hút được sự quan tâm, tham gia đóng góp của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia nói riêng và góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

(2) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, ban hành kế hoạch thực hiện các CTMTQG hàng năm.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, yêu cầu của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ và Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương, để hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy định làm cơ sở pháp lý để thực hiện 03 CTMTQG trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện trong từng năm cho từng CTMTQG, bao gồm mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung thực hiện, nhiệm vụ cụ thể, dự toán ngân sách nhà nước và vốn huy động. Đây là cơ sở để các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, lựa chọn nội dung ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bố trí nguồn lực tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai đồng bộ và có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của từng Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

(3). Tiếp tục tổng hợp báo cáo đề xuất các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực hiện các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

(4). Huy động, quản lý, lồng ghép và sử dụng nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hiệu quả và minh bạch.

- Các cấp, các ngành chủ động triển khai các giải pháp huy động, bổ sung nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý và tăng cường lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lắp, lãng phí; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

(5). Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn; khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư để đảm bảo đủ điều kiện, sớm được phân bổ kế hoạch vốn nhằm đảm bảo đến cuối năm kế hoạch giá trị giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

(6). Tổ chức quán triệt, thông tin, truyền thông, phổ biến pháp luật, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân và đối tượng có liên quan về các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao nhận thức và năng lực, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

(7). Ban hành và thực hiện theo kế hoạch đối với công tác giám sát, đánh giá việc quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra thực tế tại hiện trường dự án và tại địa phương thực hiện các chương trình để đảm bảo nắm bắt và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

(8). Thực hiện nghiêm, đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của các cấp, các ngành trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: đảm bảo thời gian, nội dung và các biểu mẫu quy định; số liệu báo cáo phải chính xác, trung thực.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

- Quan tâm xem xét bố trí thêm nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng với xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch tại Quyết định số 712/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 04/7/2022; đặc biệt là các xã đạt chuẩn nông thôn mới, thuộc khu vực miền núi, xã đặc biệt khó khăn, điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập của người dân còn quá thấp, cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội chưa đồng bộ.

- Cần có các chính sách để tác động trực tiếp đến chiêu thỉu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2.2. Đối với các Bộ ngành, cơ quan Trương ương

Kính đề nghị các Bộ, ngành được phân công giao nhiệm vụ phụ trách từng tiêu chí, quan tâm, tăng cường hỗ trợ cho các địa phương để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo đạt chuẩn theo đúng kế hoạch đã đề ra. Đặc biệt, đối với một số Bộ ngành chưa hướng dẫn thực hiện tiêu chí để các địa phương thực hiện, cụ thể:

(1) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Để hỗ trợ thông qua cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ thì cần xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, kính đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mức hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để địa phương căn cứ xây dựng định mức hỗ trợ.

(2) Ủy ban Dân tộc:

- Ban hành định mức hỗ trợ, cơ chế thực hiện và thanh, quyết toán vốn đầu tư công của các nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở và đất sản xuất của Dự án 1 (*đồng thời cũng là định mức để hỗ trợ nhà ở trực tiếp cho hộ gia đình được thụ hưởng chính sách tại Dự án 2*).

- Ban hành tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp (quy định tại khoản 1 Điều 52 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT) theo Chương trình khung được quy định tại Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban Dân tộc.

- Điều chỉnh khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng; hướng dẫn quy trình lựa chọn đối tượng, hình thức ký kết hợp đồng đào tạo thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 5.

- Hướng dẫn cụ thể về hình thức cho vay, định mức vốn cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung: “*Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt*” thực hiện Dự án 9.

- Hướng dẫn cụ thể nội dung đầu tư sử dụng vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2 của dự án 10 để địa phương lập danh mục dự án đầu tư trình HĐND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công (tại Điều 81 và Điều 83 Thông tư số 02/2022/TT-UBDT hướng dẫn thật sự cụ thể gây khó khăn trong việc lập danh mục đầu tư).

- Hướng dẫn tiêu chí xây dựng, quản lý, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán trong đồng bào dân tộc thiểu số và quy trình xây dựng mô hình điển hình tiên tiến (Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 10).

- Sớm đưa vào vận hành hệ thống thông tin quản lý, báo cáo số liệu ứng dụng các giải pháp số hóa của Chương trình theo Điều 7, Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc.

(3) Bộ Tài chính:

Điều chỉnh, bổ sung Điều 58 Thông tư số 15/2022/TT-BTC để thực hiện việc chuyển đổi số trong thực hiện Chương trình (*nhiều mua sắm trang thiết bị, xây dựng phần mềm quản lý chương trình, xây dựng phòng họp trực tuyến phục vụ cuộc họp của BCĐ chương trình các cấp*); điều chỉnh Điều 59 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định nội dung chi và mức chi cho các hoạt động quản lý Chương trình, chi phí tham dự các Hội nghị, Hội thảo do các cấp, các ngành tổ chức.

(4) Bộ Thông tin và Truyền thông:

Hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” của Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10.

(5) Liên minh Hợp tác xã Việt Nam:

Hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” theo điểm b khoản 10 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Noi nhận:

- Đoàn Giám sát của Quốc hội;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và xã hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{VHTin33}



Đặng Văn Minh